



TRANG CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

www.trangcorporation.vn

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	42
1.	Thông tin khái quát	42
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4.	Định hướng phát triển	5
5.	Rủi ro tiềm tàng	6
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	7
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
a.	Kết quả kinh doanh so với năm 2020 (ĐVT: Tỷ đồng).....	7
b.	Kết quả kinh doanh so với kế hoạch đề ra (ĐVT: Tỷ đồng)	8
2.	Tổ chức và nhân sự.....	8
3.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	9
a.	Các khoản đầu tư lớn trong năm 2021	9
b.	Hoạt động các công ty con và công ty liên kết.....	9
4.	Tình hình tài chính	9
a.	Tình hình tài chính	9
b.	Chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	10
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	10
a.	Thông tin cổ phần.....	10
b.	Cơ cấu cổ đông (tại ngày 12/04/2022)	11
c.	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	11
d.	Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	11
e.	Các chứng khoán khác	11
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	11
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	13
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	14
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	15
1.	Hội đồng quản trị.....	15
2.	Ban Kiểm soát	18
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.....	20
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	21

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Trang

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303366525

Vốn điều lệ/Charter capital: 168.299.940.000 đồng

Địa chỉ: Lô A14b KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. HCM

Số điện thoại: (08) 37.800.900

Số fax: (08) 37.800.735

Website: www.trangcorporation.vn

Mã cổ phiếu: TFC

Thông tin thành lập

Công ty Cổ phần Trang (Trang Corp) là thành viên của Trang Group - một Tập đoàn đa quốc gia với tiêu chí cung cấp thực phẩm chế biến chất lượng cao cho thị trường thế giới.

Trang Corp được thành lập vào tháng 07/2004 bởi Ông Hồ Văn Trung (hay còn gọi là Trang Hồ) cùng với những cổ đông sáng lập là người thân và bạn bè của Ông, đã xây dựng nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh để sản xuất những sản phẩm là thực phẩm đông lạnh từ thủy sản phục vụ thị trường xuất khẩu tại Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Úc.

Là người sáng lập Trang Corp, với tiêu chí cung cấp những thực phẩm đông lạnh chất lượng cao cho thị trường thế giới, Ông Hồ Văn Trung là người tiên phong và đã gặt hái thành công trong sự nghiệp của mình. Xuất phát từ kinh nghiệm của một người quản lý nhà hàng ở Úc, Trang Hồ đã nhìn thấy thị trường rộng lớn cho các sản phẩm đông lạnh không chỉ ở Úc mà ở các nước phát triển khác ở Châu Âu và Mỹ. Trước khi xây dựng Trang Corp tại Việt Nam, Ông Hồ Văn Trung đã từng là Tổng Giám Đốc của Trang's Food Pty Ltd. tại Úc từ năm 1985. Do có kiến thức trong lĩnh vực cơ khí và kinh nghiệm điều hành Công ty sản xuất thực phẩm tại Úc, Ông Hồ Văn Trung đã đóng góp rất lớn trong quá trình xây dựng nhà máy Trang Corp. Khởi đầu với những khách hàng là các cửa hàng và các nhà hàng nhỏ trên phố, Trang Corp đã dần xây dựng được tên tuổi của mình, trở thành một nhà cung cấp uy tín cho hệ thống các siêu thị lớn ở Châu Âu, Châu Úc, Châu Mỹ cũng như những nhà thực phẩm hàng đầu thế giới.

Quá trình phát triển

Kể từ khi thành lập năm 2004, với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Trang đã không ngừng phát triển về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tăng vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển. Qua 5 lần tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cổ đông bên ngoài, vốn điều lệ Công ty hiện nay đạt 168,3 tỷ đồng tăng 741,5% so với khi thành lập.

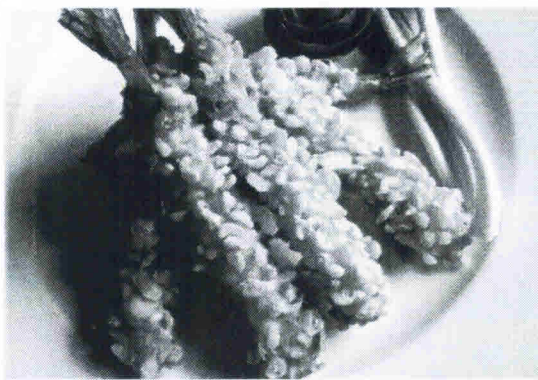
Ngày 13/11/2015, Công ty Cổ phần Trang đánh dấu bước phát triển mới khi được chấp thuận niêm yết trên sàn HNX với mã chứng khoán là TFC, chính thức trở thành công ty đại chúng.

Ngày 03/12/2015: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Trang chính thức giao dịch trên sàn HNX với giá khởi điểm là 35.000 đồng/ cổ phiếu. Việc chính thức trở thành Công ty đại chúng là một bước ngoặt to lớn trong quá trình phát triển của Trang Corp, mở ra cơ hội quản bá doanh nghiệp đến khách hàng, đối tác và nhà đầu tư, tạo tiền đề cho việc

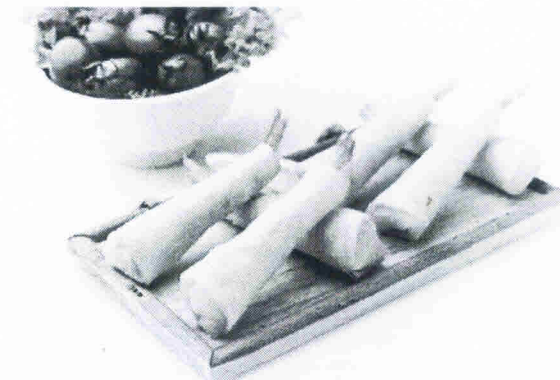
gia tăng lợi thế cạnh tranh cũng như tiếp cận nguồn vốn không giới hạn cho việc đầu tư phát triển.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sản phẩm chính của công ty



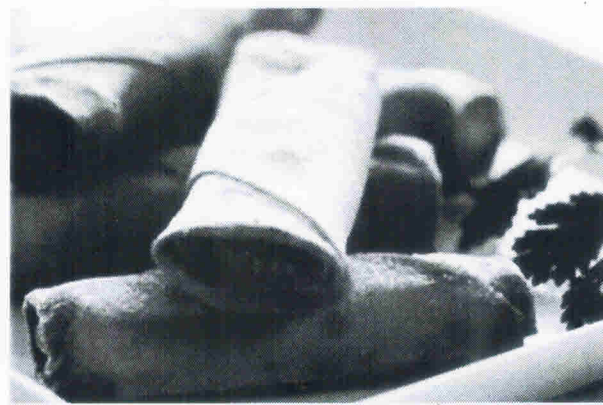
TEMPURA PRAWN



FILO PRAWN



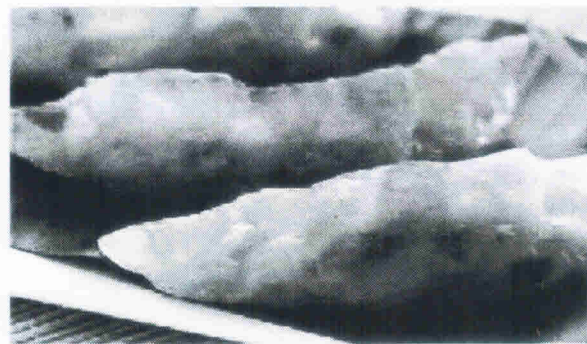
POTATO SHRIMP



SHRIMP AND VEGETABLE SPRING ROLL



BATTER FISH



PRAWN AND VEGETABLE GYOZA

Địa bàn kinh doanh: Công ty hiện đang kinh doanh rộng khắp các thị trường như Châu Âu, Mỹ, Úc và một số thị trường Châu Á khác như Nhật Bản, Singapore, Malaysia,...

Trong đó, thị trường chiếm doanh số xuất khẩu cao nhất là Châu Âu, Mỹ và Úc với tỷ lệ doanh số xuất khẩu trong năm 2021 như sau:

- Thị trường Châu Âu : 73,31%
- Thị trường Mỹ : 17,50%
- Thị trường Úc : 3,78%

- Thị trường khác : 5,42%

Khách hàng chính:



coles



Waitrose



TOYOTA TSUSHO



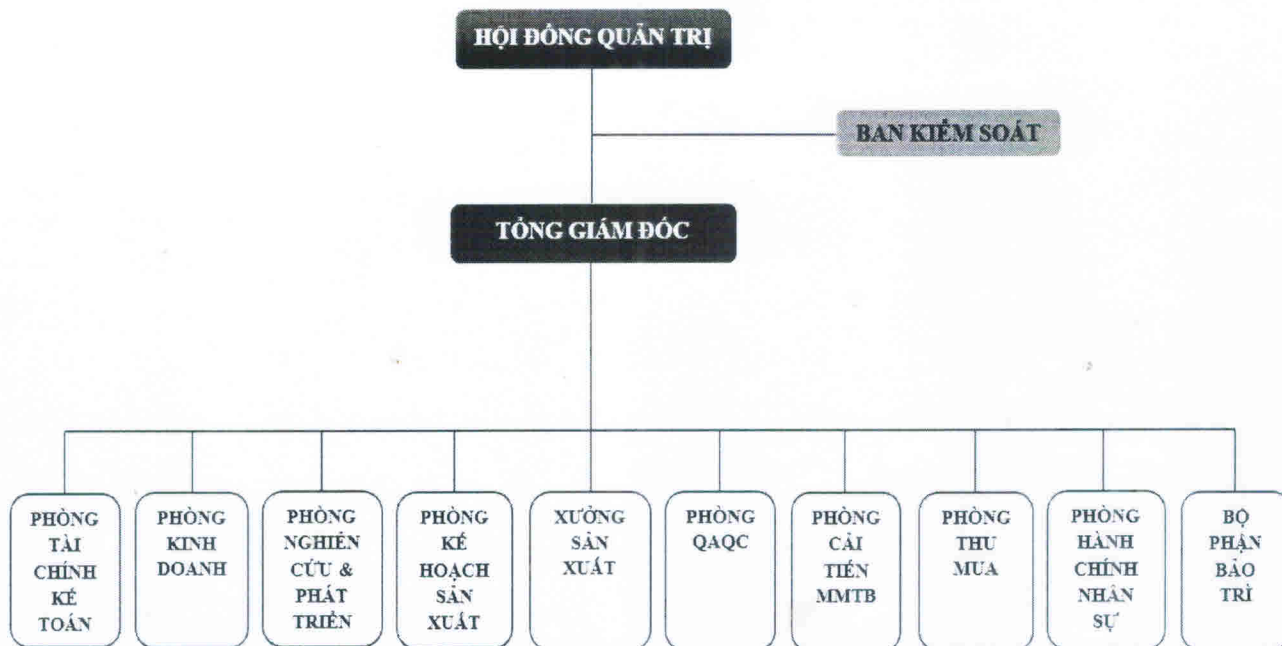
Sainsbury's



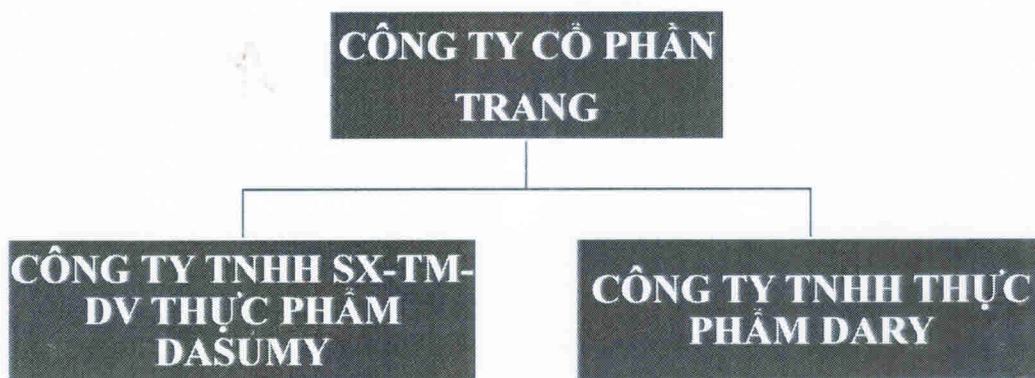
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty đang tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc/Tổng giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý cụ thể như sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG (TRANG CORP'S ORGANIZATION CHART)


Các công ty con và công ty liên kết:



Địa chỉ: Lô D4 Đường N1 KCN Hiệp Phước,
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thực phẩm:

Bánh, mứt, kẹo, sữa, socola,...

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 75%

Địa chỉ: Lô D4 Đường N1 KCN Hiệp

Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà

Bè, TP. HCM.

Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê
kho lạnh; Gia công, chế biến và xuất
khẩu thực phẩm.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 45%

4. Định hướng phát triển

HDQT và Ban điều hành Công ty đã vạch ra chiến lược phát triển trung và dài hạn với những mục tiêu cụ thể như sau:

- Tạo ra những sản phẩm riêng biệt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng mức cao nhất.

- Trở thành đối tác tin cậy trong ngành chế biến thực phẩm chất lượng cao.
- Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Một trong 05 công ty chế biến thực phẩm chuyên sâu có doanh thu cao nhất Việt Nam.
- Đảm bảo mức chia lợi tức cho cổ đông ở mức cao nhất so với với các công ty cùng lĩnh vực sản xuất.

5. Rủi ro tiềm tàng

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn và thách thức cho nền kinh tế thế giới khi dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục hiện hữu với những biến thể mới, chuỗi cung ứng toàn cầu chưa được cải thiện khi Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách Zero Covid dẫn đến việc luân chuyển containers bị tắc nghẽn với chi phí logistics toàn cầu duy trì ở mức cao trên 400% so với năm 2020 và việc áp đặt cấm vận của Mỹ và các nước phương tây đối với Liên bang Nga trong năm nay đã thúc đẩy lạm phát gia tăng trên toàn cầu đồng thời nguồn cung từ lương thực đến dầu thô & khí tự nhiên và các kim loại cơ bản bị cắt giảm mạnh do Nga và Ukraina là hai nước xuất khẩu hàng đầu đối với sản phẩm lúa mì; ngoài ra Nga là nhà xuất khẩu lớn các sản phẩm dầu thô, khí tự nhiên, thép, nhôm, đồng và phân bón. Với những nhận định trên, HĐQT và Ban điều hành đã phân tích và nhận diện những rủi ro kinh doanh trong năm 2022 như sau

STT	NHÓM RỦI RO	NHẬN DIỆN RỦI RO	BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA
1	Dịch bệnh	Dịch Covid-19 tạo ra biến thể mới tốc độ lây lan nhanh, có khả năng kháng vắc xin tuy nhiên việc điều trị cũng như cách tiếp cận dịch bệnh hiện nay tương đối nhẹ nhàng.	Theo dõi và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước về phòng chống dịch bệnh. Thực hiện việc tiêm vắc xin cho người lao động theo chỉ đạo của cơ quan y tế
2	Rủi ro kinh doanh	Hàng hóa không được giao đúng kế hoạch và phát sinh các chi phí bảo quản và tồn thất do đơn hàng bị hủy. Giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất.	<p>Tìm kiếm thêm đối tác vận chuyển quốc tế ngoài đối tác Maersk để đảm bảo kế hoạch giao hàng đúng tiến độ</p> <p>Đàm phán và ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp nguyên liệu có yếu tố nhập khẩu đảm bảo 75% nhu cầu trong năm để ổn định giá thu mua.</p> <p>Đàm phán kí kết hợp đồng cung ứng nguyên liệu và bao bì ngay khi ký hợp đồng bán hàng.</p>
3	Nguồn cung lao động	Thiếu hụt nguồn cung lao động	<p>Điều chỉnh tăng lương và phúc lợi cho người lao động.</p> <p>Tăng cường tìm kiếm các đơn hàng quanh năm để đảm bảo công</p>

			việc và thu nhập cho người lao động trong mùa thấp điểm
4	Biến động tỷ giá & lãi suất USD	Đồng USD sẽ tăng giá trong thời gian tới đồng thời với việc tăng lãi suất cho vay USD khi lãi suất cơ bản tăng.	Đồng USD tăng giá có lợi cho Công ty khi vay USD phục vụ sản xuất do 95% doanh thu là USD tuy nhiên lãi suất vay USD sẽ gia tăng vì vậy sẽ so sánh chi phí và lợi ích của việc vay USD và VND từng thời điểm để đạt hiệu quả tốt nhất về hiệu quả kinh tế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 là một năm vô cùng khó khăn đối với Công ty Cổ phần Trang khi thời gian cao điểm sản xuất và xuất khẩu hàng hóa rơi vào thời điểm dịch bệnh Covid 19 bùng phát và Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc chỉ thị 16 về việc giãn cách xã hội kéo dài trong 3 tháng từ ngày 01/07/2021 đến 31/10/2021. Hoạt động sản xuất sụt giảm mạnh trên 60% trong suốt Q3/2021 do Công ty triển khai phương án sản xuất 3 tại chỗ nên phải cắt giảm 1/3 lực lượng lao động theo quy định, đồng thời dịch covid 19 bùng phát tại công ty trong nửa đầu tháng 7/2021 dẫn đến 1/3 số lượng công nhân phải thực cách ly tập trung và không được trở về nhà máy sau thời gian cách ly theo dõi và điều trị. Ngoài ra, việc thực hiện giãn cách xã hội và quy định về phòng chống covid đã khiến giá cả các yếu tố đầu vào gia tăng và công ty phát sinh thêm chi phí phòng chống dịch bệnh và vận chuyển khi thực hiện phương án thuê ngoài gia công sơ chế tôm nguyên liệu để đảm bảo cung ứng ở mức sản lượng tối thiểu cho khách hàng.

Với việc sản xuất bị sụt giảm trên 60% trong thời gian cao điểm sản xuất Q3/2022 đồng thời bị tác động của chi phí gia tăng và phát sinh các chi phí do dịch bệnh nên hoạt động kinh doanh trong năm 2021 của Công ty bị thua lỗ nặng và không hoàn thành được kế hoạch ở cả 2 chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Cụ thể như sau:

a. Kết quả kinh doanh so với năm 2020 (ĐVT: Tỷ đồng)

Kết thúc năm 2021, Công ty Cổ phần Trang đạt mức doanh thu hợp nhất trên 671,57 tỷ đồng tăng trưởng 1,95% so với năm 2020; lỗ sau thuế hợp nhất 28,63 tỷ đồng.

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020	THAY ĐỔI
1	Doanh thu BH và CCDV	671,57	658,74	1,95%
2	Giá vốn hàng bán	632,96	570,26	11,00%
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	38,61	88,48	-56,36%
4	Doanh thu tài chính	14,01	9,83	42,61%
5	Chi phí tài chính	16,35	13,81	18,41%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>11,39</i>	<i>9,91</i>	<i>15,02%</i>
6	Chi phí bán hàng	22,72	22,65	0,31%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37,56	38,44	-2,28%

8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	-28,59	23,45	-221,93%
9	Lợi nhuận khác	-0,03	-0,16	-78,42%
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-28,63	23,3	-222,89%
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	3,35	
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-28,63	19,82	-244,46%

b. Kết quả kinh doanh so với kế hoạch đề ra (ĐVT: Tỷ đồng)

Năm 2021, Công ty Cổ phần Trang đạt 79% kế hoạch doanh thu và không đạt được kế hoạch lợi nhuận đề ra.

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	KH 2020	% HOÀN THÀNH
1	Doanh thu BH và CCDV	671,57	850,08	79,00%
2	Giá vốn hàng bán	632,96	732,18	
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	38,61	117,91	32,75%
4	Doanh thu tài chính	14,01		
5	Chi phí tài chính	16,35		
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>11,39</i>		
6	Chi phí bán hàng	22,72	21,25	106,90%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37,56	42,5	88,38%
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	-28,59	46,06	
9	Lợi nhuận khác	-0,03		
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-28,63	46,06	
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	7,96	
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-28,63	38,1	

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành: (tại ngày 31/12/2021)

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Trương Văn Quang	TGD	0.20%
2	Hồ Văn Trung	Phó TGD	17.16%
3	Nguyễn Quang Vinh	TP. Tài chính - Kế toán	0%

Trong năm 2021, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2021:

Tổng số lượng nhân sự Công ty: 443 người

Phân theo số lượng:

Công nhân trực tiếp sản xuất : 341 người

Công nhân gián tiếp sản xuất : 39 người

Nhân viên văn phòng : 64 người

Cán bộ Quản lý : 16 người

Phân theo trình độ:

Trên đại học : 01 người

Đại học, cao đẳng : 96 người

Trung cấp chuyên nghiệp : 09 người

Lao động phổ thông : 337 người

Phân theo giới tính:

Nam : 192 người

Nữ : 251 người

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2021

Năm 2021, Công ty Cổ phần Trang không triển khai các hoạt động đầu tư lớn về thành lập công ty con, công ty liên kết hay thực hiện M&A các doanh nghiệp khác.

b. Hoạt động các công ty con và công ty liên kết

ĐVT: TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU	DASUMY	DARY
Doanh thu	11,72	212,86
Lợi nhuận sau thuế	-3,27	-10,20
Tổng tài sản	3,38	247,97

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	590,06	576,88	2,28%
Doanh thu thuần	671,57	658,74	1,95%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-28,59	23,45	
Lợi nhuận khác	-0,03	-0,16	
Lợi nhuận trước thuế	-28,63	23,30	
Lợi nhuận sau thuế	-28,63	19,82	

b. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,11	1,31
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,74	1,05
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,70	0,61
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,35	1,59
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	5,44	7,22
+ Vòng quay tổng tài sản	1,15	1,35
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-4,26%	3,01%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	-16,26%	8,88%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-4,85%	3,44%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
a. Thông tin cổ phần
THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ đăng ký	168.299.940.000 đồng
Vốn thực góp của cổ đông	168.299.940.000 đồng
Tổng số lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết	16.829.994 cổ phần
Loại cổ phần	01 quyền/cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
Mệnh giá cổ phần phổ thông	10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 12/04/2022)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn (>=5%)		
- Trong nước	4	68,05%
- Nước ngoài	0	0%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Cổ đông nhỏ (<5%)		
- Trong nước	300	28,59%
- Nước ngoài	8	3,36%
TỔNG CỘNG	312	100%
Trong đó:		
- Tổ chức	308	99,84%
- Cá nhân	4	0,16%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	NGÀY PHÁT SINH	VỐN TRƯỚC THAY ĐỔI	VỐN SAU THAY ĐỔI	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
1	31/01/2014	20 tỷ đồng	30 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 2:1)
2	29/06/2014	30 tỷ đồng	50 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 3:2)
3	10/03/2015	50 tỷ đồng	80 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 5:3)
4	26/06/2015	80 tỷ đồng	110 tỷ đồng	Phát hành bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 8:3). Giá phát hành 27.000 đồng/cổ phần
5	12/08/2016	110 tỷ đồng	168,3 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần từ lợi nhuận và thặng dư vốn

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: Không có

Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

e. Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
6.1. Tác động lên môi trường

- Chất thải và nước thải: đảm bảo kiểm soát nước thải và chất thải tuần hoàn.
- Khí thải: đảm bảo giảm lượng khí thải CO2 chống biến đổi khí hậu.
- Nước sạch: đảm bảo sử dụng nguồn nước sạch có trách nhiệm và tuần hoàn.

- Năng lượng: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng điện.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Công ty sử dụng bao bì đóng gói trên nguyên tắc tối thiểu sử dụng chất thải nhựa, ưu tiên sử dụng bao bì giấy và bao bì tái chế.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Điện năng trực tiếp và gián tiếp: 5.405.223kW

6.4. Tiêu thụ nước

- Công ty sử dụng nguồn nước máy được cung cấp bởi Công ty CP KCN Hiệp Phước.
- Lượng nước tiêu thụ: 113.274M3
- Tỷ lệ nước thải sản xuất được thu gom xử lý: 100%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Chất thải và nước thải: Nước thải được thu gom và xử lý tại chỗ, đảm bảo chất lượng nước trước khi xả ra môi trường. Đối với chất thải rắn, công ty ký kết hợp đồng với Công ty môi trường để thu gom và xử lý theo quy định.
- Khí thải: Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phần lớn tiêu thụ điện năng, chỉ sử dụng nhiên liệu dầu DO đốt lò hơi với lượng tiêu thụ bình quân 3.000 lít/tháng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty đảm bảo lợi ích cho người lao động thông qua các chính sách và chương trình sau:

- Lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh;
- Có chính sách đối với lao động gắn bó lâu dài;
- Chính sách, quy chế đối với người lao động được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, công khai, minh bạch;
- Không ngừng đào tạo, phát triển kiến thức và kỹ năng cho người lao động;
- Tạo môi trường làm việc năng động, mở rộng các mối quan hệ giao lưu học hỏi giữa người lao động.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn theo đuổi phát triển trên cơ sở bền vững do đó trách nhiệm Công ty đối với địa phương luôn được chú trọng:

- Tạo công ăn việc làm cho 500 lao động tại địa bàn với nguồn thu nhập ổn định.
- Luôn đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ đối với địa phương.
- Tham gia các hoạt động từ thiện tại địa phương.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021

Thị trường xuất khẩu trong năm 2021

Thị trường	Doanh thu	Tỷ trọng
UK & Châu Âu	20.233.511	73,31%
Mỹ	4.828.991	17,50%
Úc	1.043.126	3,78%
Thị trường khác	1.495.694	5,42%
Cộng	27.601.322	100%

Tỷ trọng doanh số xuất khẩu trong năm 2021

Ngành hàng	Doanh thu	Tỷ trọng
Sản phẩm từ tôm	19.982.572	72,40%
Sản phẩm từ cá	706.685	2,56%
Sản phẩm hỗn hợp hải sản	3.389.944	12,28%
Sản phẩm chay/rau củ	2.689.400	9,74%
Sản phẩm khác	832.720	3,02%
Cộng	27.601.322	100%

Trong năm 2021, hoạt động xuất khẩu vẫn thực hiện ở ba thị trường chính là Châu Âu, Mỹ và Úc. Mặc dù điều kiện sản xuất và giao hàng không thuận lợi do dịch bệnh Covid 19 nhưng doanh thu xuất khẩu chỉ sụt giảm 3,24% so với năm 2020 và tỷ trọng doanh thu xuất khẩu các thị trường tương đối ổn định. Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu vào thị trường Mỹ tăng 0,9% trong khi thị trường UK & Châu Âu và Úc sụt giảm nhẹ. Cơ cấu mặt hàng trong năm 2021 chủ yếu vẫn là các sản phẩm chế biến từ hải sản trong đó sản phẩm chế biến từ tôm chiếm đa số.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản (ĐVT: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020
Tổng tài sản	590,06	576,88
Doanh thu thuần	671,57	658,74
Vòng quay tổng tài sản	1,14	1,14
Lợi nhuận sau thuế	-28,63	19,82

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2021 đạt 590,06 tỷ đồng, tăng 2,28% so với năm 2020. Cơ cấu tài sản có sự thay đổi khi tăng ở khoản mục dài hạn và giảm nhẹ ở khoản mục ngắn hạn. Vòng quay tổng tài sản trong năm 2021 đạt 1,14 lần và bằng cũng kỳ năm 2020.

Cơ cấu tài sản:

CHỈ TIÊU	Giá trị		Tỷ lệ	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Tài sản ngắn hạn	451,86	456,56	76,58%	79,14%
Tài sản dài hạn	138,20	120,32	23,42%	20,86%
Tổng tài sản	590,06	576,88	100%	100%

b. Tình hình nợ phải trả (ĐVT: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	Giá trị		Tỷ lệ	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Nợ ngắn hạn	407,52	348,97	98,45%	98,63%
Nợ dài hạn	6,41	4,84	1,55%	1,37%
Tổng nợ	413,94	353,81	100%	100%

Năm 2021, Nợ phải trả đạt 407,51 tỷ đồng tăng 58,55 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020 tương ứng với tỷ lệ tăng 16,77%. Cơ cấu nợ phải trả tập trung vào chủ yếu vào nợ ngắn hạn, chiếm 98,45% giảm 0,18% so với năm 2020. Nợ ngắn hạn trong năm 2021 tăng mạnh về số tuyệt đối nhưng giảm nhẹ về tỷ trọng. Việc tăng khoản nợ ngắn hạn trong năm 2021 là do Công ty tăng vay ngắn hạn ngân hàng bổ sung vốn lưu động khi vòng quay hàng tồn kho bị sụt giảm do việc xuất hàng gặp khó khăn không thuê được tàu và số chuyên vận tải quốc tế bị sụt giảm mạnh do thiếu hụt container kể từ cuối năm 2020.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty Cổ phần Trang tiếp tục tập trung vào sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang các nước phát triển, trong đó:

- Tập trung mở rộng hoạt động kinh doanh tại thị trường Mỹ và Canada, đặt mục tiêu nâng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu lên 35-40% vào năm 2025.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm Vegen và Gluten free rau củ đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng đối với nhóm thực phẩm tốt cho sức khỏe.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là trong Q3/2021 khi sản lượng sản xuất và bán hàng giảm mạnh so với cùng kỳ. Kết thúc năm 2021, doanh thu chỉ đạt 77,64% kế hoạch đề ra và kết quả kinh doanh công ty mẹ bị thua lỗ 25,35 tỷ đồng. Đây là năm đầu tiên trong vòng 5 năm qua công ty có kết quả kinh doanh thua lỗ. Mặc dù vậy, kết quả kinh doanh 2021 đã phản ánh đúng những khó khăn chung mà các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới phải đối mặt với một tình huống kinh doanh bất định chưa từng xảy ra trong thế giới hiện đại, đó là đại dịch Covid 19 bùng phát và lây lan trên toàn cầu với tốc độ nhanh và nguy hiểm, đe dọa mạng sống của người dân và việc các chính phủ trên toàn cầu cùng lúc thực hiện hàng loạt phương án kiểm soát nghiêm ngặt khác nhau để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh

bao gồm việc phong tỏa biên giới, kiểm soát cách ly người nhập cảnh, ngừng hoạt động vận tải đường không,làm cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn nghiêm trọng.

Trong năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn được duy trì, đặc biệt là trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội với phương án sản xuất 3 tại chỗ kéo dài trong 3 tháng đã giúp giảm thiểu đáng kể thiệt hại cho công ty so với phương án ngưng sản xuất đồng thời đảm bảo tốt hơn thu nhập cho người lao động trong giai đoạn dịch bệnh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc

Năm 2021 vừa qua là một năm vô cùng khó khăn không chỉ đối với Công ty Cổ phần Trang mà đối với toàn xã hội. Mặc dù môi trường sản xuất kinh doanh bị xáo trộn do tác động nặng nề của dịch bệnh Covid nhưng Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực hết mình trong công tác điều hành để duy trì 40% năng lực sản xuất của nhà máy trong suốt Q3/2021 khi TP. HCM triển khai Chỉ thị 16 - thực hiện giãn cách xã hội kể từ ngày 01/07/2021.

HĐQT cũng ghi nhận những đóng góp và tính tiên phong của người lãnh đạo khi Ban Tổng giám đốc đồng hành với người lao động thực hiện phương án sản xuất ba tại chỗ, không ngại khó khăn trong điều kiện sinh hoạt thiếu thốn và khả năng bị lây nhiễm Covid19 rất cao do công ty bùng phát dịch bệnh tại Công ty trong nửa đầu tháng 7/2021. Mặc dù kế hoạch kinh doanh thua lỗ và doanh thu xuất khẩu chỉ đạt 73% so với kế hoạch nhưng việc duy trì hoạt động sản xuất đáp ứng 40% nhu cầu khách hàng trong Q3/2021 cùng với việc triển khai thuê đơn vị gia công để đáp ứng được 73% đơn hàng cả năm 2021 đã giúp công ty giữ được niềm tin với khách hàng. Đây là tiền đề tốt đẹp để công ty tiếp bước phát triển trong thời gian tới.

3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

HĐQT định hướng tiếp tục công tác xây dựng hoàn chỉnh bộ máy quản lý và vận hành trong năm 2022 nhằm nâng cao hiệu quả làm việc bên cạnh việc cải tiến máy móc thiết bị để nâng cao năng suất lao động và giảm tỷ lệ phế phẩm/hao hụt nguyên liệu. Trong năm 2022 và những năm tiếp theo, HĐQT đưa ra kế hoạch thực hiện cho Ban Tổng giám đốc như sau:

- Trong năm 2022, hoàn thiện các dây chuyền sản xuất hiện có và thực hiện cải tiến các dây chuyền sản xuất tempura hướng đến tự động hóa 50% số khâu sản xuất và cắt giảm 50% lao động trực tiếp.
- Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 25-30%/năm đến năm 2025.
- Mở rộng phân phối sản phẩm tại thị trường Mỹ và Canada, nâng tỷ trọng doanh tại thị trường Bắc Mỹ lên 30-40% tổng doanh thu xuất khẩu vào năm 2025.
- Phát triển các mặt hàng Vegan và Gluten Free đáp ứng nhu cầu thực phẩm tốt cho sức khỏe ngày càng gia tăng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NĂM SINH	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Chủ tịch HĐQT	Bà Nguyễn Minh Nguyệt	1956	- Từ 1980-1990 Giám đốc quản lý chất lượng tại Công ty sản xuất Kem Street - Úc.

			<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1990 - 2005 Giám đốc nhà máy sản xuất thực phẩm Trangs Food Pty Ltd - Úc. - Từ 2005-T9/2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang - Việt Nam. - Từ T9/2015-T07/2017: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc. - Đến 29/06/2017: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Trang. - Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Trang.
Thành viên HĐQT	Ông Hồ Văn Trung	1952	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1980-2000: Công ty chế biến thực phẩm Trangs Food Pty Ltd - Úc - Giám đốc. - Từ 2000-2007: Trangs Group - Chuyên viên bán hàng Quốc tế. - Từ 2007 - nay: Cố vấn chiến lược và cố vấn công nghệ Công ty CP Trang. - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Trang.
Thành viên HĐQT	Ông David Ho	1985	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/01/2013 – 31/12/2005 Trưởng phòng quản lý kinh doanh Trangs Food Pty Ltd, chuyên phân phối hàng hóa thực phẩm - Úc - Từ 01/01/2006 - 31/12/2008 Giám đốc quản lý Trangs Food Pty Ltd, chuyên phân phối hàng hóa thực phẩm - Úc - Từ 01/01/2009 - 2013 Giám đốc quản lý kiêm Giám đốc kinh doanh quốc tế Công ty chế biến thực phẩm Trangs Food - Úc - Từ 09/2015 - Thành viên HĐQT Công ty CP Trang
Thành viên HĐQT	Ông Trương Văn Quang	1976	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 01/1999 đến tháng 12/2001: Nhân viên quản lý chất lượng Công ty COFIDEC. - Từ tháng 01/2002 đến tháng 09/2006: Quản đốc xưởng Công ty COFIDEC. - Từ tháng 10/2006 đến tháng 02/2017: Quản đốc xưởng Công ty CP Trang. - Từ tháng 03/2017 - 07/2019: Phó Giám đốc điều hành Công ty CP Trang. - Từ tháng 07/2019 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang.
Thành viên HĐQT	Ông Võ Thiên Chương	1980	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2007 đến năm 2011: Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc chi nhánh. - Từ năm 2003 đến năm 2007: Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A, kế toán trưởng, Trợ lý kiểm toán

			<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2003 - 2007 KTT, Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Từ 2012 - 2017 Thành Viên BKS Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh - Đến 01/05/2017: CFO Công ty CP Trang - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Trang
Thành viên HĐQT	Bà Nguyễn Minh Tâm	1967	<ul style="list-style-type: none"> - 1985 - 1990 Trưởng phòng quản lý chất lượng Công ty Sản xuất Kem Street - Úc. - 1990 - 2005: Trưởng phòng quản lý chất lượng Công ty Chế biến Thực phẩm Trang Food Pty Ltd. - Úc. - 2005 - nay TV HĐQT Công ty CP Trang
Thành viên HĐQT	Ông Huỳnh Khánh Hiếu	1974	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1995 - 2002: Công ty Kiểm toán AFC Sài Gòn. - Từ 2002 - 2005 : Công ty Kiểm toán DTL - Từ 2005 - 2006 : Công ty Kiểm toán Quang Minh - Từ 2006 - Nay : Đầu tư tài chính

b. Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT thực hiện hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua việc phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể và luôn theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty. HĐQT đưa ra chiến lược phát triển và giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật.
- Bên cạnh đó, các thành viên của HĐQT cũng thường xuyên nhận được thông báo từ Chủ tịch HĐQT thông qua văn bản, email hoặc điện thoại về tình hình hoạt động của Công ty để thông nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó, HĐQT luôn nắm bắt sát sao, kịp thời để chỉ đạo và đôn đốc các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- HĐQT cũng đã đưa ra các ý kiến cố vấn liên quan đến tài chính, đầu tư, kế hoạch kinh doanh, sử dụng chi phí để Ban Tổng Giám đốc Công ty có định hướng thực hiện theo đúng kế hoạch đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Các cuộc họp HĐQT trong năm 2021:

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/21/BB/HĐQT-TFC	11/01/2021	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng VIETTINBANK CN 6 năm 2021-2022

2	02/21/BB/HĐQT-TFC	25/01/2021	- Thông qua việc nâng hạn mức vay vốn lưu động tại Ngân hàng Woori Việt Nam.
3	03/21/BB/HĐQT-TFC	23/03/2021	- Thông qua việc vay vốn lưu động tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam.
4	04/21/BB/HĐQT-TFC	19/04/2021	- Thông qua việc gia hạn thời gian tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
5	05/21/BB/HĐQT-TFC	20/04/2021	- Thông qua việc vay vốn lưu động tại Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
6	06/21/BB/HĐQT-TFC	24/05/2021	- Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
7	07/21/BB/HĐQT-TFC	01/06/2021	- Thông qua việc thuê tài chính các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
8	08/21/BB/HĐQT-TFC	15/06/2021	- Thông qua việc vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú.
9	09/21/BB/HĐQT-TFC	29/11/2021	- Thông qua việc triển khai chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt
10	10/21/BB/HĐQT-TFC	02/12/2021	- Thông qua việc vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.
11	11/21/BB/HĐQT-TFC	15/12/2021	- Thông qua việc gia hạn các hợp đồng cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary vay vốn.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NĂM SINH	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Trưởng BKS	Bà Vũ Thị Minh Chiến	1954	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2003 - 2005: Phó giám đốc Công ty kinh doanh hàng TTVN (Công ty dệt may Việt Nam) - Từ 2005 - 2009: Giám đốc Hành chính nhân sự Công ty CP Trang - Từ 2009 - 2015: Giám đốc điều hành Công ty CP Trang - Từ 2015 - Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Trang

Thành viên BKS	Bà Trần Thanh Hương	1955	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1979 - 1981 : giáo viên - Từ 1983 - 1986 : Kế toán Công ty Liên hiệp XNK T.Cừu Long - Từ 1986 - 1991 : Kế toán trưởng Công ty DV TD TT T.Vĩnh Long - Từ 1993 - 1995 : Kế toán thuế Công ty TNHH DV TM Viễn Tin - Từ 1996 - 2001 : Kế toán quản trị và tư vấn Công ty CP DV Bưu chính viễn thông Sài Gòn - Từ 2001 - 2012 : Thủ quỹ Công ty CP DV-BC-VT Sài Gòn - Từ 2012 - 2016 : Về hưu - Từ 2016 - Nay: Thành viên BKS Công ty CP Trang
Thành viên BKS	Bà Trương Thị Huỳnh Như	1988	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2015 - 07/2019: Nhân viên thu mua Công ty CP Trang. - Từ tháng 07/2019 - nay: Thành viên BKS Công ty CP Trang.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2021 Ban kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình. Trưởng BKS đã chỉ đạo các kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động của đơn vị, định kỳ hàng quý thực hiện kiểm tra các đơn vị, phòng ban để hỗ trợ các đơn vị thực hiện công tác hạch toán kế toán đúng quy định đồng thời thực hiện đúng chính sách với người lao động.
- BKS thực hiện kiểm tra các Báo cáo tài chính hàng tháng, quý của phòng tài chính -kế toán trước khi trình HĐQT. Giám sát việc thực thi pháp luật, chấp hành tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định pháp luật như các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước và Người lao động.
- BKS tham dự các cuộc họp, trao đổi trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty, đóng góp ý kiến trong việc triển khai thực hiện các nội dung đã được HĐQT giao phó. Tham gia kiểm tra, kiểm soát theo các nội dung, xem xét giải quyết các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình bán hàng, chính sách công nợ của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính kế toán, quản lý công nợ, quản lý chi phí của Công ty.
- Kiểm tra, đôn đốc và đánh giá việc chấp hành công bố thông tin, minh bạch trong chế độ báo cáo theo các quy định của Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- BKS đảm bảo thực hiện theo đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn được quy định trong Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty Cổ phần Trang.

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	4/4	100%	
2	Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	4/4	100%	
3	Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên	4/4	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2021.

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	LƯƠNG	THƯỞNG	THÙ LAO
Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Minh Nguyệt	1,357,116,000	113,550,000	144,000,000
TV HĐQT - TGĐ	Trương Văn Quang	1,317,321,000	106,800,000	78,000,000
TV HĐQT - P. TGĐ	Hồ Văn Trung	1,367,167,000	105,550,000	78,000,000
TV HĐQT	Nguyễn Minh Tâm			78,000,000
TV HĐQT	David Hồ			78,000,000
TV HĐQT	Võ Thiên Chương			78,000,000
TV HĐQT	Huỳnh Khánh Hiếu			78,000,000
Trưởng BKS	Vũ Thị Minh Chiến	240,088,000	10,000,000	33,600,000
TV BKS	Trần Thanh Hương	90,000,000	5,625,000	32,400,000
TV BKS	Trương Thị Huỳnh Như	161,628,000	6,300,000	30,000,000

- b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Trong năm 2021, phát sinh các giao dịch sau:

Từ ngày 14/05/2021 đến 17/05/2021: Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch HĐQT thực hiện mua 897.00 cổ phiếu (Số lượng đăng ký mua là 1.000.000 cổ phiếu).

Từ ngày 07/12/2021 đến 28/12/2021: Ông Nguyễn Quang Vinh – Trưởng phòng TCKT thực hiện bán 27.200 cổ phiếu (Số lượng đăng ký bán là 27.200 cổ phiếu).

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Hợp đồng giữa Công ty CP Trang với Công ty TNHH Thực phẩm Dary:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Nội dung hợp đồng
1	01-01/2021TFC-DR	26/01/2021	Hợp đồng vay
2	01-03/2021TFC-DR	13/03/2021	Hợp đồng vay
3	01-06/2021TFC-DR	03/06/2021	Hợp đồng vay

4	01-12/2021TFC-DR	01/12/2021	Hợp đồng vay
5	02-12/2021TFC-DR	30/12/2021	Hợp đồng vay
6	HĐGC-TR-DR 01-2021/01	30/12/2020	Dary gia công các mặt hàng hải sản
7	HĐKT-TC-DF 01-2021/07	30/12/2020	Dary cung cấp mặt hàng tôm thẻ, tôm sú HLSO
8	HĐGC-TR-DR 01-2021/05	30/12/2020	Dary gia công các mặt hàng thực phẩm
9	012021-TR-DR	04/01/2021	Cung cấp các mặt hàng thực phẩm (bánh mì, rau củ, phụ gia...)
10	HĐDVTK-TR-DR 01-2021/08	27/02/2021	Dịch vụ thuê kho

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Công
Ty CP
Trang

Digitally signed by Công Ty
CP Trang
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH, CN=Công Ty
CP Trang,
OID.0.9.2342.19200300.100
.1.1=MST:0303366525
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2022.03.30 13:59:
11+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.3

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 40
8. Phụ lục	41

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trang là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303366525, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 41221000651, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 37 800 900
- Fax : (84 – 28) 37 800 735

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến thủy, hải sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Sản xuất, chế biến cà phê, trà;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản và thực phẩm. Mua bán thực phẩm công nghệ. Mua bán cà phê, trà;
- Mua bán trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản biển và nội địa;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyển giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Mua bán sản phẩm dệt – may, quần áo may sẵn;
- Mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Sản xuất phần cứng máy tính;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Gia công đóng gói bao bì: cà phê, trà;
- Sản xuất, chế biến nông, lâm sản;
- Mua bán cao su, nguyên phụ liệu sản phẩm dệt – may;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)
Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông David Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Trương Văn Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Văn Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Vinh	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019).

Bà Nguyễn Minh Nguyệt đã ủy quyền cho Ông Trương Văn Quang – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 002/2021/UQ-TFC ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

 0444
 HONC
 HNHIE
 TOAN
 A 8
 VH-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Nguyễn Minh Nguyệt
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 3 năm 2022



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 ktvhn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot 57H/05A/01, St. No. 73, Le Hong Phong Urban Area, Phuoc Ha Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 ktvnt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 ktvct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0740/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A&C

Nguyễn Minh Tuấn Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		451.853.576.428	456.556.618.863
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.974.484.602	49.415.030.777
1. Tiền	111	V.1	8.974.484.602	49.415.030.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		108.264.414.778	56.003.008.961
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	299.500.000	299.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	107.964.914.778	55.703.508.961
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.410.868.281	259.462.410.962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	175.823.013.988	226.216.422.096
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.961.366.633	1.206.217.449
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.867.578.892	32.720.507.680
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.241.091.232)	(680.736.263)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		142.888.088.979	89.798.964.113
1. Hàng tồn kho	141	V.7	145.027.640.187	89.879.000.113
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(2.139.551.208)	(80.036.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.315.719.788	1.877.204.050
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.251.248.994	1.858.531.959
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.057.231.966	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	7.238.828	18.672.091
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.204.787.122	120.318.930.552
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.098.228.818	83.641.638.697
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.9	63.346.720.000	51.511.720.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	36.751.508.818	32.129.918.697
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.144.895.580	24.525.559.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	21.312.510.207	21.906.441.086
- Nguyên giá	222		79.677.645.176	77.355.778.801
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.365.134.969)	(55.449.337.715)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	6.761.549.377	2.616.701.857
- Nguyên giá	225		7.334.325.000	2.850.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(572.775.623)	(233.298.143)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	70.835.996	2.416.673
- Nguyên giá	228		437.790.800	360.430.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(366.954.804)	(358.014.127)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.120.628.121	496.895.410
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	2.120.628.121	496.895.410
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.230.915.239	7.819.271.017
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	3.230.915.239	7.819.271.017
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.610.119.364	3.835.565.812
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.610.119.364	3.835.565.812
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		590.058.363.550	576.875.549.415

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		413.937.903.532	353.808.403.643
I. Nợ ngắn hạn	310		407.524.892.764	348.966.251.409
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	44.065.510.534	67.191.428.781
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.702.144.435	1.508.010.353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	809.758.610	3.425.708.812
4. Phải trả người lao động	314	V.18	8.245.533.404	11.082.778.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	10.652.899.718	7.228.141.184
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	6.584.916.188	1.642.028.708
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a, c	334.340.080.890	256.769.890.972
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.124.048.985	118.264.599
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.413.010.768	4.842.152.234
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b, c	2.737.051.142	1.089.583.316
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	3.675.959.626	3.752.568.918
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.120.460.018	223.067.145.772
I. Vốn chủ sở hữu	410		176.120.460.018	223.067.145.772
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	168.299.940.000	168.299.940.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	(8.512.649.908)	37.615.898.864
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kê đến cuối kỳ trước</i>	421a		19.316.552.314	37.615.898.864
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(27.829.202.222)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	(840.482.802)	(22.345.820)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		590.058.363.550	576.875.549.415

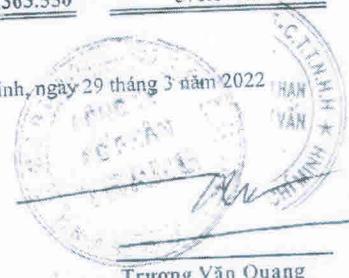
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

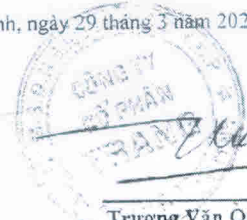
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	673.653.123.591	658.802.692.534
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.078.389.455	60.666.602
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		671.574.734.136	658.742.025.932
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	632.964.958.109	570.262.193.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.609.776.027	88.479.832.527
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.014.414.775	9.827.384.987
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.352.069.094	13.809.927.187
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.394.158.764	9.905.900.338
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	(4.588.355.778)	38.827.871
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.716.603.037	22.647.264.183
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	37.561.811.795	38.437.724.739
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.594.648.902)	23.451.129.276
12. Thu nhập khác	31		9.483.381	28.614.576
13. Chi phí khác	32	VI.8	42.954.537	183.704.145
14. Lợi nhuận khác	40		(33.471.156)	(155.089.569)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(28.628.120.058)	23.296.039.707
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	3.354.724.509
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	124.385.488
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(28.628.120.058)	19.816.929.710
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(27.809.983.076)	20.115.687.727
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(818.136.982)	(298.758.017)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.673)	1.112
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(1.673)	1.112

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

 Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập

 Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng

 Nguyễn Quang Vinh
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán

 Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(28.628.120.058)	23.296.039.707
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
		V.10, V.11,		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.12	4.371.454.759	4.420.884.343
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.7	5.619.870.177	236.013.783
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.509.238.538	136.472.145
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c, VI.4	(3.980.460.582)	(6.112.398.752)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	11.394.158.764	9.905.900.338
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.713.858.402)	31.882.911.564
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		72.820.768.014	(3.338.321.620)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(55.148.640.074)	(21.996.590.222)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(28.604.797.298)	25.878.123.325
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.786.493.298)	1.570.999.154
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(299.500.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20, VI.5	(11.582.360.957)	(9.820.656.338)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(3.103.153.556)	(4.123.555.833)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	118.264.599
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(20.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(38.118.535.571)	19.851.674.629
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.13	(3.377.767.364)	(3.114.141.651)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(69.096.405.817)	(47.567.106.920)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	5.000.000.000	8.170.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	3.553.434.747	6.162.143.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(63.920.738.434)	(36.349.104.966)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

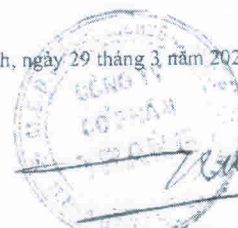
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	759.831.077.168	600.533.151.698
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(684.343.359.085)	(553.884.805.039)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(1.076.793.066)	(731.500.008)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.23a	(12.817.394.000)	(4.207.690.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>61.593.331.017</u>	<u>41.709.156.151</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(40.445.942.988)	25.211.725.814
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	49.415.030.777	24.391.147.528
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.396.813	(187.842.565)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>8.974.484.602</u>	<u>49.415.030.777</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

 Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập

 Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng

 Nguyễn Quang Vinh
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán


 Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG
1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Tập đoàn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty con này là 75,00% (số đầu năm là 75,00%).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6c. Danh sách Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 45,00% (số đầu năm là 45,00%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 426 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 545 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con. Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính
Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 - 44 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc và thiết bị	02 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc, thiết bị là 10 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 - 07 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu
Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	132.263.331	729.985.133
Tiền gửi ngân hàng	8.842.221.271	48.685.045.644
Cộng	<u>8.974.484.602</u>	<u>49.415.030.777</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 06 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	27.000.000.000	27.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(23.769.084.761)	(19.180.728.983)
Cộng	<u>3.230.915.239</u>	<u>7.819.271.017</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.819.271.017	7.780.443.146
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	(4.588.355.778)	38.827.871
Số cuối năm	3.230.915.239	7.819.271.017

Tình hình hoạt động của công ty liên kết
 Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh đang bị lỗ.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ gia công	-	374.305.400
Bán nguyên vật liệu	25.232.931.950	3.041.223.354
Thuê dịch vụ gia công	39.086.567.125	35.938.140.108
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	7.512.385.802	5.196.532.761
Cho thuê máy móc	200.296.000	-
Mua nguyên vật liệu	83.482.137.567	139.488.864.720
Cho vay	13.835.000.000	15.600.000.000
Lãi cho vay	3.949.029.000	4.113.188.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>13.779.524.161</i>	<i>729.070.522</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	13.779.524.161	729.070.522
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>162.043.489.827</i>	<i>225.487.351.574</i>
Trangs UK Limited	83.574.805.485	135.106.945.580
Trangs Group USA Incorporated	30.068.678.180	37.911.467.652
Trangs Europe B.V	24.209.429.724	23.306.352.226
Các khách hàng khác	24.190.576.438	29.162.586.116
Cộng	175.823.013.988	226.216.422.096

Toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trang Food Pty Ltd đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TMDV Khánh Hải	3.220.315.600	-
Euro-Asia Fruits and Vegetables Group	540.975.232	-
Operadora Y Procesadora De Productos Marinos	-	374.690.100
Các nhà cung cấp khác	1.200.075.801	831.527.349
Cộng	4.961.366.633	1.206.217.449

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác
5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-	50.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Cho mượn	-	-	50.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.867.578.892	3.195.671.344	32.670.507.680	-
Tạm ứng	2.500.936.700	-	969.640.005	-
Lãi dự thu	1.747.090.113	-	680.737.500	-
Khoản ký quỹ ngắn hạn	34.000.000	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	-	-	27.590.732.107	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.585.552.079	3.195.671.344	3.429.398.068	-
Cộng	7.867.578.892	3.195.671.344	32.720.507.680	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	35.612.324.614	-	31.663.254.890	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Ký cược, ký quỹ	26.470.040.724	-	26.470.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Lãi cho vay	9.142.283.890	-	5.193.254.890	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.139.184.204	-	466.663.807	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	1.139.184.204	-	466.663.807	-
Cộng	36.751.508.818	-	32.129.918.697	-

6. Nợ khó thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Lam Chi - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	109.504.728	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	109.504.728	32.851.418
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Song Thịnh Phát - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	108.142.460	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	108.142.460	32.442.738
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hải Lê - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	68.750.000	-	Trên 03 năm	68.750.000	68.750.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	50.000.000	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	50.000.000	50.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	3.904.694.044	-	Từ 02 năm đến trên 03 năm	709.022.700	180.639.469
Cộng		4.241.091.232	-	Trên 03 năm	3.195.671.344	3.195.671.344
					4.241.091.232	3.560.354.969

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	680.736.263	564.308.225
Trích lập dự phòng bổ sung	3.560.354.969	116.428.038
Số cuối năm	4.241.091.232	680.736.263

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	90.721.183.491	(343.199.068)	46.084.004.784	-
Công cụ, dụng cụ	2.081.147.065	-	1.971.702.697	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.892.733.840	-	9.183.723.015	-
Thành phẩm	19.401.796.105	(1.716.273.090)	21.583.579.729	-
Hàng hóa	161.802.777	(80.079.050)	129.111.590	(80.036.000)
Hàng gửi đi bán	16.768.976.909	-	10.926.878.298	-
Cộng	145.027.640.187	(2.139.551.208)	89.879.000.113	(80.036.000)

Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, ứ đọng không có khả năng đưa vào sản xuất, tiêu thụ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	343.199.068	-
Thành phẩm	1.716.273.090	-
Hàng hóa	80.079.050	80.036.000
Số cuối năm	2.139.551.208	80.036.000

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	80.036.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	2.059.515.208	119.585.745
Xử lý dự phòng do thanh lý hàng tồn kho	-	(39.549.745)
Số cuối năm	2.139.551.208	80.036.000

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.21).

8. Chi phí trả trước
8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	842.210.696	397.733.310
Chi phí sửa chữa	-	109.033.282
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.409.038.298	1.351.765.367
Cộng	2.251.248.994	1.858.531.959

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	3.364.342.690	3.487.387.906
Chi phí sửa chữa	457.110.010	-
Công cụ, dụng cụ	379.556.710	290.734.835
Các chi phí trả trước dài hạn khác	409.109.954	57.443.071
Cộng	<u>4.610.119.364</u>	<u>3.835.565.812</u>

9. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất từ 04%/năm đến 12%/năm và thời hạn vay từ 02 - 04 năm.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.625.381.839	56.155.314.151	5.119.443.074	1.455.639.737	77.355.778.801
Mua trong năm	-	2.722.461.000	-	173.000.000	2.895.461.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	235.636.364	164.800.000	-	-	400.436.364
Giảm do hư hỏng	-	(974.030.989)	-	-	(974.030.989)
Số cuối năm	<u>14.861.018.203</u>	<u>58.068.544.162</u>	<u>5.119.443.074</u>	<u>1.628.639.737</u>	<u>79.677.645.176</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.799.633	20.614.718.128	2.164.337.165	1.336.957.919	26.320.812.845
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.645.050.460	42.077.800.351	3.352.736.032	1.373.750.872	55.449.337.715
Khấu hao trong năm	576.736.985	3.044.585.303	359.470.104	42.244.210	4.023.036.602
Giảm do hư hỏng	-	(1.107.239.348)	-	-	(1.107.239.348)
Số cuối năm	<u>9.221.787.445</u>	<u>44.015.146.306</u>	<u>3.712.206.136</u>	<u>1.415.995.082</u>	<u>58.365.134.969</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.980.331.379	14.077.513.800	1.766.707.042	81.888.865	21.906.441.086
Số cuối năm	<u>5.639.230.758</u>	<u>14.053.397.856</u>	<u>1.407.236.938</u>	<u>212.644.655</u>	<u>21.312.510.207</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.976.195.615 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.850.000.000	233.298.143	2.616.701.857
Thuê tài chính trong năm	4.484.325.000	-	-
Khấu hao trong năm	-	339.477.480	-
Số cuối năm	<u>7.334.325.000</u>	<u>572.775.623</u>	<u>6.761.549.377</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	360.430.800	358.014.127	2.416.673
Mua mới trong năm	77.360.000		
Khấu hao trong năm		8.940.677	
Số cuối năm	437.790.800	366.954.804	70.835.996
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	286.373.600	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất mở rộng nhà xưởng, chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	164.800.000	169.310.000	(164.800.000)	-	169.310.000
Xây dựng cơ bản dở dang	-	235.636.364	(235.636.364)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	332.095.410	2.425.834.638	-	(806.611.927)	1.951.318.121
Cộng	496.895.410	2.830.781.002	(400.436.364)	(806.611.927)	2.120.628.121

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế và chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang bù trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau. Chi tiết như sau:

	Lỗ tính thuế
Năm 2017	2.640.647.965
Năm 2018	5.199.730.395
Năm 2019	2.680.322.682
Năm 2020	606.470.752
Năm 2021	22.643.611.833
Cộng	33.770.783.627

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>6.959.060.248</i>	<i>9.084.306.115</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	6.959.060.248	9.084.306.115
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>37.106.450.286</i>	<i>58.107.122.666</i>
Cơ sở Thái Loan - Nguyễn Hoàng Thơ	8.150.000	9.160.471.300
Các nhà cung cấp khác	37.098.300.286	48.946.651.366
Cộng	44.065.510.534	67.191.428.781

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Noramix Trade AS	1.436.170.435	1.494.959.976
Farmsea Food Pte Ltd (FSF)	265.974.000	-
Các khách hàng khác	-	13.050.377
Cộng	<u>1.702.144.435</u>	<u>1.508.010.353</u>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	43.161.131	-	281.121.184	(232.233.155)	92.049.160	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.932.118	(6.932.118)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	11.274.399	(11.274.399)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.103.153.556	-	-	(3.103.153.556)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	279.394.125	18.672.091	1.807.830.128	(1.358.081.540)	717.709.450	7.238.828
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	15.280.000	(15.280.000)	-	-
Cộng	<u>3.425.708.812</u>	<u>18.672.091</u>	<u>2.128.437.829</u>	<u>(4.732.954.768)</u>	<u>809.758.610</u>	<u>7.238.828</u>

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	9.419.990.273	7.224.209.012
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.232.909.445	3.932.172
Cộng	10.652.899.718	7.228.141.184

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>65.508.807</i>	<i>253.711.000</i>
Các thành viên Hội đồng quản trị - Chi phí lãi vay phải trả	34.475.807	222.678.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu - Chi phí lãi vay phải trả	31.033.000	31.033.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>6.519.407.381</i>	<i>1.388.317.708</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.261.498.010	1.197.324.458
Cổ tức phải trả	4.184.949.000	172.549.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	72.960.371	18.444.250
Cộng	6.584.916.188	1.642.028.708

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính
21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>10.618.000.000</i>
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt	1.500.000.000	10.618.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>332.840.080.890</i>	<i>246.129.390.972</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	331.379.911.524	245.237.890.964
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	72.038.023.865	89.388.461.454
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	57.850.101.847	54.826.143.128
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	60.614.952.628	68.910.015.722
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(iv)	44.167.623.693	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ^(v)	41.932.002.977	23.060.623.000
Vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vi)	21.459.508.988	-
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ^(vii)	9.267.152.700	9.052.647.660
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(viii)	24.050.544.826	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	160.000.000	182.500.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	160.000.000	182.500.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.21b)	1.300.169.366	731.500.008

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease	609.583.316	731.500.008
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	690.586.050	-
Cộng	<u>334.340.080.890</u>	<u>256.769.890.972</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.2b và V.7).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trang Food Pty Ltd, hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.3 và V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho, một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem các thuyết minh số V.2b, V.3 và V.7).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh và Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	245.237.890.964	745.385.077.168	-	(660.596.859.085)	1.353.802.477	331.379.911.524
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	12.696.000.000	-	(12.696.000.000)	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.618.000.000	1.750.000.000	-	(10.868.000.000)	-	1.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	182.500.000	-	160.000.000	(182.500.000)	-	160.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	731.500.008	-	1.300.169.366	(731.500.008)	-	1.300.169.366
Cộng	<u>256.769.890.972</u>	<u>759.831.077.168</u>	<u>1.460.169.366</u>	<u>(685.074.859.093)</u>	<u>1.353.802.477</u>	<u>334.340.080.890</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	320.000.000	480.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	320.000.000	480.000.000
Nợ thuê tài chính	2.417.051.142	609.583.316
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	2.417.051.142	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chaillease ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	609.583.316
Cộng	<u>2.737.051.142</u>	<u>1.089.583.316</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia (xem thuyết minh V.10).

(ii) Tập đoàn thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.01/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.02/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.03/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.04/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.07/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.

(iii) Tập đoàn thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chaillease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số B190730202 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B190727302 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	480.000.000	160.000.000	320.000.000
Nợ thuê tài chính	3.717.220.508	1.300.169.366	2.417.051.142
Cộng	<u>4.197.220.508</u>	<u>1.460.169.366</u>	<u>2.737.051.142</u>
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	662.500.000	182.500.000	480.000.000
Nợ thuê tài chính	1.341.083.324	731.500.008	609.583.316
Cộng	<u>2.003.583.324</u>	<u>914.000.008</u>	<u>1.089.583.316</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	480.000.000	-	-	(160.000.000)	320.000.000
Nợ thuê tài chính	609.583.316	3.452.930.250	(345.293.058)	(1.300.169.366)	2.417.051.142
Cộng	1.089.583.316	3.452.930.250	(345.293.058)	(1.460.169.366)	2.737.051.142

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	118.264.599	326.958.565
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.005.784.386	(188.693.966)
Giảm khác	-	(20.000.000)
Chí quỹ	-	-
Số cuối năm	1.124.048.985	118.264.599

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.752.568.918	3.628.183.430
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	124.385.488
Giảm khác	(76.609.292)	-
Số cuối năm	3.675.959.626	3.752.568.918

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15%.

24. Vốn chủ sở hữu
24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	62.739.940.000	62.739.940.000
Cộng	168.299.940.000	168.299.940.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	16,69	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000
Các cổ đông khác	62.739.940.000	37,27	62.739.940.000
Cộng	168.299.940.000	100,00	168.299.940.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 29 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	16.829.994.000	-	16.829.994.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.005.784.386	-	1.005.784.386
• Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	396.000.000	396.000.000	-

Ngoài ra, Công ty mẹ cũng đã tạm trích thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 344.400.000 VND.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	282.664,98	1.979.817,81
Euro (EUR)	4,89	4,89
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	643.263.535.650	655.322.772.832
Doanh thu bán nguyên vật liệu	30.389.587.941	3.479.919.702
Cộng	<u>673.653.123.591</u>	<u>658.802.692.534</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	238.582.170	-
Hàng bán bị trả lại	1.622.807.285	60.666.602
Giảm giá hàng bán	217.000.000	-
Cộng	<u>2.078.389.455</u>	<u>60.666.602</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	605.476.859.044	570.142.607.660
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.428.583.857	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.059.515.208	119.585.745
Cộng	<u>632.964.958.109</u>	<u>570.262.193.405</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.619.787.360	1.960.382.881
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	347.399	512.877
Lãi tiền cho vay	3.949.029.000	4.113.188.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.445.251.016	3.753.301.229
Cộng	<u>14.014.414.775</u>	<u>9.827.384.987</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	11.394.158.764	9.905.900.338
Chi phí lãi thuê tài chính	192.997.449	148.053.061
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.255.674.343	3.619.501.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.509.238.538	136.472.145
Cộng	<u>16.352.069.094</u>	<u>13.809.927.187</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	2.925.783.732	3.202.155.055
Chi phí vật liệu, bao bì	1.380.006.245	1.171.294.868
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	16.620.954	26.054.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.682.131	78.000.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.577.870.776	12.589.837.798
Các chi phí khác	5.711.639.198	5.579.921.922
Cộng	22.716.603.037	22.647.264.183
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	24.159.020.776	26.381.063.710
Chi phí đồ dùng văn phòng	639.983.675	1.175.103.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.290.238	358.310.510
Thuê, phí và lệ phí	826.205.849	760.462.982
Dự phòng phải thu khó đòi	3.560.354.969	116.428.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.459.338.671	2.648.970.340
Các chi phí khác	4.578.617.617	6.997.385.201
Cộng	37.561.811.795	38.437.724.739
8. Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.750.000	146.089.920
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.510	36.072.649
Các chi phí khác	39.202.027	1.541.576
Cộng	42.954.537	183.704.145
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	124.385.488
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	-	124.385.488
10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(27.809.983.076)	20.115.687.727
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.005.784.386)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	(344.400.000)	(396.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(28.154.383.076)	18.713.903.341
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.829.994	16.829.994
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.673)	1.112

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng qui định này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.172 VND xuống còn 1.112 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	480.061.734.737	462.184.057.555
Chi phí nhân công	132.649.851.846	140.180.850.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.371.454.759	4.420.884.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.353.672.798	30.951.452.117
Chi phí khác	16.738.086.663	14.657.473.562
Cộng	<u>670.174.800.804</u>	<u>652.394.718.286</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đi vay	1.500.000.000	7.818.000.000
Chi phí lãi vay	481.560.290	1.442.010.000

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20 và V.21a.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.357.116.000	113.550.000	144.000.000	1.614.666.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.317.321.000	106.800.000	78.000.000	1.502.121.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	1.367.167.000	105.550.000	78.000.000	1.550.717.000
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	78.000.000	78.000.000
Ông David Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	78.000.000	78.000.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	78.000.000	78.000.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	78.000.000	78.000.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	240.088.000	10.000.000	33.600.000	283.688.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	90.000.000	5.625.000	32.400.000	128.025.000
Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên Ban Kiểm soát	161.628.000	6.300.000	30.000.000	197.928.000
Cộng		4.533.320.000	347.825.000	708.000.000	5.589.145.000
Năm trước					
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.317.950.000	137.110.000	144.000.000	1.599.060.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.192.850.000	77.234.000	78.000.000	1.348.084.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	1.190.211.000	89.535.000	78.000.000	1.357.746.000
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	78.000.000	78.000.000
Ông David Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	78.000.000	78.000.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	78.000.000	78.000.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	78.000.000	78.000.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	240.000.000	28.420.000	33.600.000	302.020.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	90.000.000	11.010.000	32.400.000	133.410.000
Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên Ban Kiểm soát	163.978.000	12.226.000	30.000.000	206.204.000
Cộng		4.194.989.000	355.535.000	708.000.000	5.258.524.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH Thực phẩm Dary là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.5b, V.9 và V.15.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Tập đoàn là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán



Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A.14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HIỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	22.589.780.841	276.412.197	208.339.785.766
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	20.115.687.727	(298.758.017)	19.816.929.710
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	(326.958.566)	-	(326.958.566)
Trích thưởng Hội đồng quản trị trong năm trước	-	-	(396.000.000)	-	(396.000.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(4.207.498.500)	-	(4.207.498.500)
Giảm khác	-	-	(159.112.638)	-	(159.112.638)
Số dư cuối năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	37.615.898.864	(22.345.820)	223.067.145.772
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	37.615.898.864	(22.345.820)	223.067.145.772
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(27.809.983.076)	(818.136.982)	(28.628.120.058)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	(1.005.784.386)	-	(1.005.784.386)
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm nay	-	-	(344.400.000)	-	(344.400.000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(16.829.994.000)	-	(16.829.994.000)
Giảm khác	-	-	(138.387.310)	-	(138.387.310)
Số dư cuối năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	(8.512.649.908)	(840.482.802)	176.120.460.018

Đơn vị tính: VND


TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022


Trương Văn Quang
 Tổng Giám đốc


Nguyễn Quang Vinh
 Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán


Lê Thị Tường Hạnh
 Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Mỹ Nhung
 Người lập



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

[Handwritten signature]



Nguyễn Minh Nguyệt

